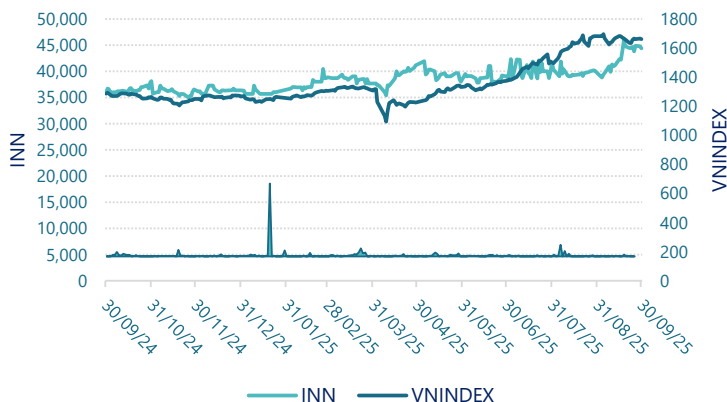




CTCP Bao bì và In Nông nghiệp (HNX: INN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	44,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,968
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,026
SL cổ phiếu LH	27,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,145
% sở hữu nước ngoài	3.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,199
P/E	9.6
EPS	4,642

DT thuần

Q3/25

458

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 65.0 | 16.5%

YoY: ▲ 7.00 | 1.5%

LN sau thuế

Q3/25

32.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.90 | 6.3%

YoY: ▲ 4.80 | 17.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.4%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2025

1,224

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0 | 2.0%

LN sau thuế

9T 2025

89.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.3 | 14.5%

ROE

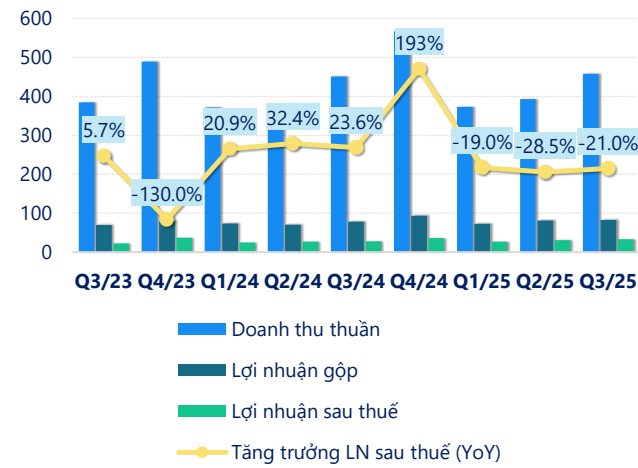
Q3/25

16.8%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

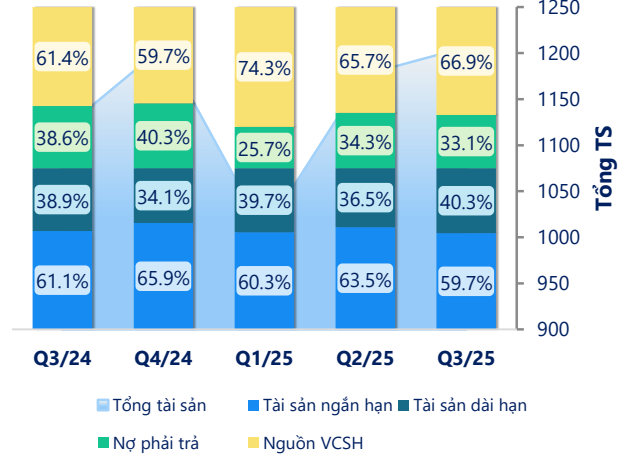
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

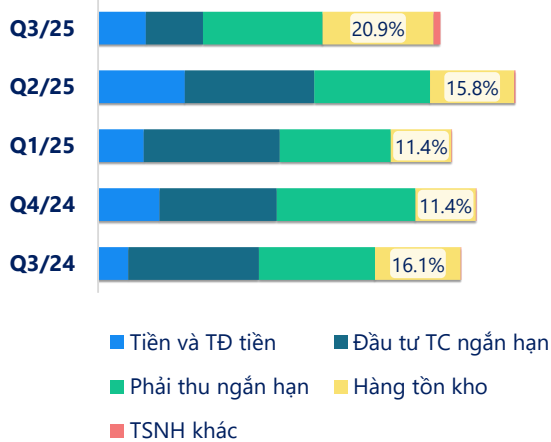
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



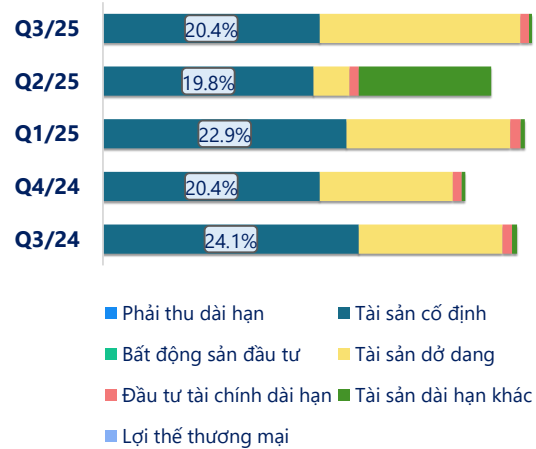
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

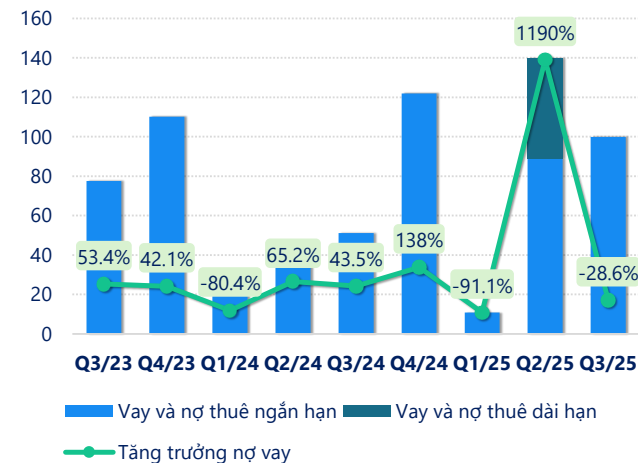
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

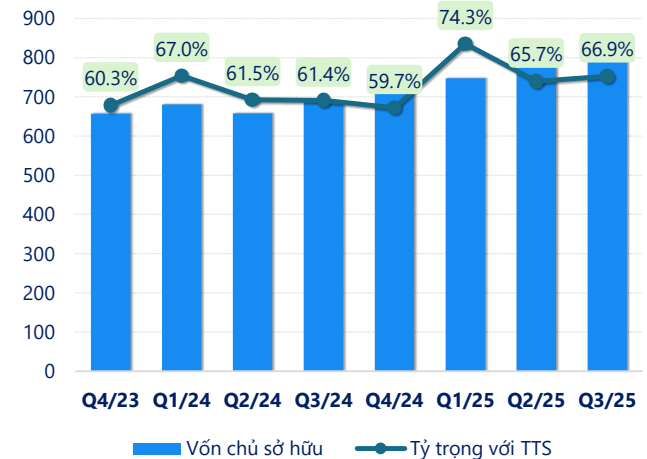
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

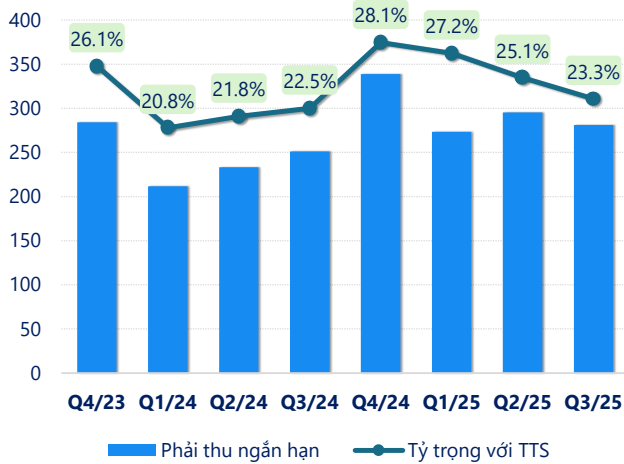
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



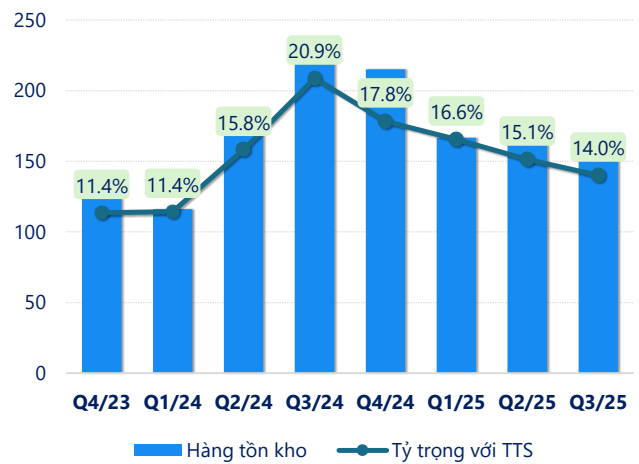
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


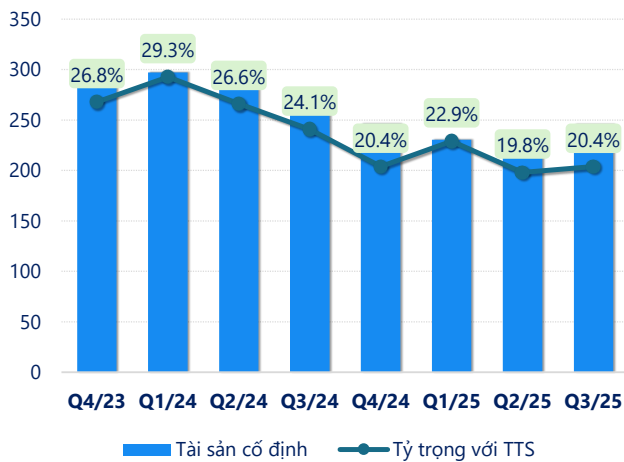
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


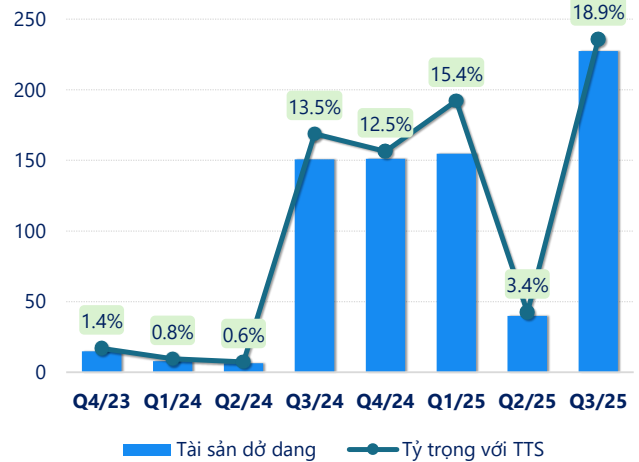
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

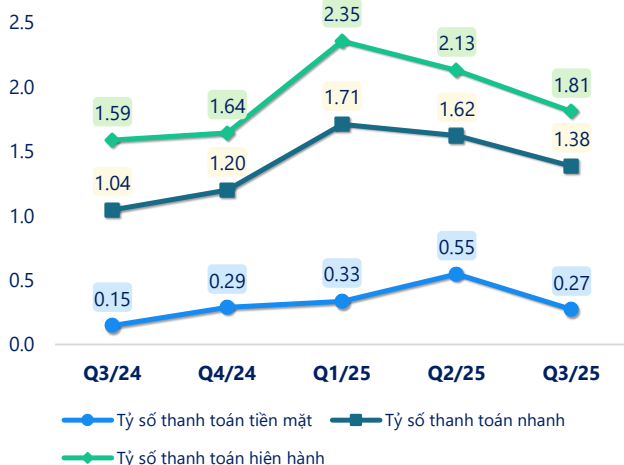
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

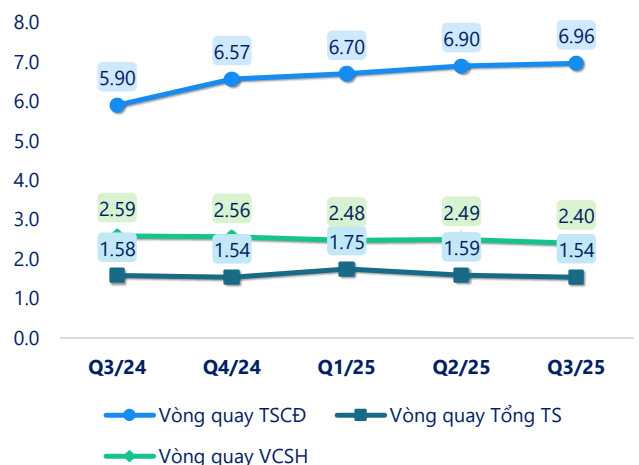
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,116	1,207	1,006	1,177	1,206
Tài sản ngắn hạn	682	796	607	747	720
Tiền và tương đương tiền	63.2	139	86.3	192	108
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	100	80.0	80.0	160
Phải thu ngắn hạn	251	339	273	295	281
Hàng tồn kho	233	215	167	178	169
Tài sản ngắn hạn khác	14.3	2.09	0.67	1.51	1.36
Tài sản dài hạn	435	411	399	430	487
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	269	246	230	233	246
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	151	151	155	39.9	228
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Tài sản dài hạn khác	5.14	4.00	4.01	147	3.29
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	431	486	259	403	399
Nợ ngắn hạn	430	485	258	351	398
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.2	122	10.8	89.1	99.9
Phải trả người bán ngắn hạn	186	131	113	105	117
Nợ dài hạn	1.28	1.28	1.28	52.1	1.28
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	50.8	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	685	721	747	774	807
Vốn chủ sở hữu	685	721	747	774	807
Vốn điều lệ	180	180	180	180	180
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)